

Bản án số: 13/2018/HS-ST

Ngày 10/05/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thích và bà Trần Thị Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Ông Nguyễn Đình Thao,
Kiểm sát viên.

Ngày 10/05/2018, tại Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 22/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 27/02/2018, đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm: 1991, giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Thôn D, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học phổ thông: 12/12; không nghề nghiệp; con ông Lê V, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội, theo quyết định tạm giam số: 46/2018/HSST-QĐTG ngày 19/04/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bị hại: Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1970; trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 14/12/2015, tại phòng 303 nhà nghỉ T ở thôn T, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; bị cáo Lê Văn T cùng với Ninh Thị T1 và Đỗ Công H có hành vi dùng dao bầu (loại dao chọc tiết lợn) đe dọa và dùng vũ lực để chiếm đoạt của anh Nguyễn Duy B 1.180.000đ tiền Việt Nam, 01 tờ tiền 100 Đô

la Mỹ trị giá 2.248.000đ và một chiếc điện thoại di động Nokia 105 trị giá 150.000đ.

Hội đồng định giá tài sản huyện G, tỉnh Bắc Ninh định giá: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105, đã sử dụng trị giá 150.000đ; 01 tờ 100 Đô la Mỹ, quy đổi ra tiền Việt Nam là 2.248.000đ.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn T bỏ trốn, ngày 08/4/2016 Công an huyện G, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định truy nã; sau đó đã tách hành vi của bị cáo Lê Văn T để xử lý trong vụ án khác.

Ngày 03/11/2017 bị cáo Lê Văn T bị Công an quận C, thành phố Hà Nội bắt về hành vi “Cướp tài sản”.

Cáo trạng số: 03/CTr-VKS, ngày 09/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” Theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Bị cáo khai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/12/2015, bị cáo cùng với Ninh Thị T1, Mai Văn Q và Đỗ Công H có quen biết và cùng ngồi uống nước tại quán cà phê, thì Ninh Thị T1 nói việc bị anh Nguyễn Duy B tung tin là T1 ngủ với anh B. Do bức xúc nên Ninh Thị T1 có nhờ bị cáo và Q, H tìm cách dọa cho anh B sợ; Đỗ Công H đưa ra phương án gọi anh B đến quán để đánh và dọa phạt anh B, nhưng T1 và Q không đồng ý, vì quán đông người. Q nói là Ninh Thị T1 sẽ tìm cách rủ anh B đi vào nhà nghỉ rồi gọi điện thoại thông báo cho H, để H và bị cáo đến bắt quả tang, rồi lấy lý do anh B ngủ với Ninh Thị T1, là bạn gái Q để dọa và phạt tiền anh B. Tất cả đều đồng ý, nhưng chưa thống nhất là khi nào sẽ thực hiện. Nhưng ngay sau đó Q nói là không làm nữa và đi về. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Ninh Thị T1 gặp anh Nguyễn Duy B; anh B rủ Ninh Thị T1 đi uống cà phê nhưng T1 không đi mà T1 rủ anh B đi nhà nghỉ. Sau đó, Ninh Thị T1 và anh B mỗi người đi một xe mô tô đi đến nhà nghỉ thuê phòng 303. Khi vào trong phòng, Ninh Thị T1 nhắn tin cho Đỗ Công H biết địa chỉ phòng và nhà nghỉ. Sau khi nhận được tin nhắn của Ninh Thị T1, bị cáo và Đỗ Công H đi xe mô tô đến nhà nghỉ, lên phòng 303 gõ cửa. Anh B ra mở cửa thì Đỗ Công H và bị cáo xông vào chửi bới đe dọa, H rút dao bầu đã chuẩn bị sẵn chìa về phía anh B đe dọa đồng thời dùng chân đá một cái vào cằm anh B và nói “*Bọn mày ở chung phòng cùng nhau như vậy mà gọi là bàn công chuyện à*”. Bị cáo lục soát người anh B, anh B sợ hãi phải bỏ điện thoại và ví ra giường; sau đó bị cáo kiểm tra ví và lấy được 1.180.000đ, 01 tờ 100 USD và 01 điện thoại; ví và các giấy tờ trong ví bị cáo đã trả lại cho anh B ngay, đồng thời trả lại cho anh B 100.000đ để trả tiền nhà nghỉ. Khi mọi người ra khỏi nhà nghỉ thì bị cáo đã đưa cho Ninh Thị T1 1.080.000đ; sau khi đi bán USD bị cáo đã gửi lại cho Đỗ Công H 1.200.000đ, số tiền còn lại bị cáo ăn tiêu hết, chiếc điện thoại khi bỏ trốn đã bị

roi mất. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại theo qui định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm d khoản 2 Điều 133, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 42 Bộ luật hình sự 1999;

- Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự xử phạt bị cáo từ 7 năm 06 tháng đến 8 năm tù; buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại số tiền là 1.198.000đ (trong đó 150.000đ là tiền trị giá chiếc điện thoại và 1.048.000đ là tiền bán Đô la bị cáo đã sử dụng).

Bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi như cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát đã nêu; không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà xin được giảm nhẹ hình phạt và đồng ý bồi thường cho người bị hại như quan điểm của Viện kiểm sát đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Khoảng 22 giờ ngày 14/12/2015, tại nhà nghỉ TN ở thôn T, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, bị cáo Lê Văn T cùng với Ninh Thị T1 và Đỗ Công H có hành vi dùng dao bầu đe dọa và dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho anh Nguyễn Duy B lâm vào tình trạng không thể kháng cự được, để chiếm đoạt của anh 1.180.000đ tiền Việt Nam, 01 tờ tiền 100 Đô la Mỹ trị giá 2.248.000đ và một chiếc điện thoại di động Nokia trị giá 150.000đ.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản” phạm vào điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bản án số: 81/2012/HSST ngày 30/10/2012 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 48 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án này ngày 15/10/2015; đến ngày 14/12/2015 bị cáo lại phạm tội trong vụ án này, lần phạm tội này là tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra; trong quá trình bỏ trốn bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới và ngày 19/04/2018 bị Tòa án

nhân dân quận C, thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Đối với hành vi Cướp tài sản và bị Tòa án quận C, thành phố Hà Nội xét xử, hành vi này bị cáo phạm tội sau nhưng bị xét xử trước và bản án chưa có hiệu lực pháp luật; do vậy, không bị tính là tiền án và không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Qua đó thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, khó cải tạo giáo dục nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian và phạt ở mức cao của khung hình phạt mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo phạm tội với vài trò đồng phạm; đối với Linh Thị T1 và Đỗ Công H và Mai Văn Q đã được xem xét, xử lý trong Bản án số: 21/2016/HSST ngày 20/06/2016 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[2]. Người bị hại yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả 100 Đô la (được quy đổi ra tiền Việt Nam là 2.248.000đ) và 01 điện thoại trị giá 150.000đ. Xét thấy tại Bản án số: 21/2016/HSST ngày 20/06/2016 của Tòa án nhân dân huyện G đã xét xử đối với hai bị cáo Linh Thị T1, Đỗ Công H đã xử lý vật chứng và xử lý về trách nhiệm dân sự là anh Nguyễn Duy B đã được trả lại 2.280.000đ (trong đó Ninh Thị T1 nộp 1.080.000đ và Đỗ Công H nộp 1.200.000đ). Như vậy trong vụ án này bị cáo Lê Văn T chỉ có nghĩa vụ phải trả cho người bị hại trị giá chiếc điện thoại là 150.000đ và số tiền bán Đô la là 1.048.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự là phù hợp, nhưng đề nghị mức hình phạt là hơi nhẹ so với hành vi của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng:

- Điểm d khoản 2 Điều 133, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 42 Bộ luật hình sự 1999;
- Các điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Các điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo:

Lê Văn T 8 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt của bản án này.

Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Duy B số tiền là 1.198.000đ.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKS huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Cán bộ thi hành án hình sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Đăng Phong**